

Bản án số: 1314/2017/HNGĐ-ST  
Ngày: 14-9-2017  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Châu Thị Hồng Đào

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Quốc Hà

Bà Nguyễn Kim Thủy

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phương, thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2017 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 585/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1926/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc T; địa chỉ cư trú: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

***- Bị đơn:*** Ông Nguyễn Ngọc A; địa chỉ cư trú: đường A, Phường B, quận C Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 4 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Bà và ông A tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1975, có làm lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn do ông A ghen, có nhiều lời nói xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà, không chia sẻ với bà về vật chất và tinh thần, một mình bà đi làm nuôi con

khôn lớn. Ông A ghen tuông ngày càng nhiều hơn, bà không thể chịu đựng thêm nữa nên bà sống ly thân với ông A từ tháng 02/2017 cho đến nay. Bà chung sống với ông A không hạnh phúc nên khởi kiện yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu cầu ly hôn với ông A

Về con chung: Ông A và bà T có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh U, sinh ngày 15/5/1975, Nguyễn Ngọc Hải N, sinh ngày 18/7/1977 và Nguyễn Ngọc An B, sinh ngày 24/02/1983 đã trưởng thành.

Về chia tài sản khi ly hôn: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: Giấy khai sinh; chứng minh nhân dân và hộ khẩu của bà T, hộ khẩu của ông A.

2. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho ông A và triệu tập ông A đến Tòa án để ghi nhận ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông A không đến Tòa. Sau đó, Tòa án tổng đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông A nhưng ông A vẫn không đến Tòa, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và cũng không có ý kiến về các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đúng qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nhận thấy hôn nhân giữa ông A và bà T là quan hệ hôn nhân thực tế và hợp pháp theo điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000. Ông A và bà T phát sinh mâu thuẫn do ông A ghen tuông, có những lời lẽ xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà T, không quan tâm chăm sóc vợ con dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, việc bà T yêu cầu ly hôn với ông A là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông A

Về con chung: Ông A và bà T có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh U, sinh ngày 15/5/1975, Nguyễn Ngọc Hải N, sinh ngày 18/7/1977 và Nguyễn Ngọc An B, sinh ngày 24/02/1983 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu chia tài sản khi ly hôn nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông A, đây là tranh chấp về ly hôn. Ông A cư trú tại quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông A tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông A vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông A.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử xét thấy bà T và ông A chung sống với nhau từ năm 1975, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân thực tế, được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Bà T yêu cầu ly hôn vì ông A ghen, có nhiều lời nói xúc phạm bà, không phụ giúp bà nuôi con, chăm sóc gia đình điều này thể hiện hôn nhân giữa ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã triệu tập ông A tham gia phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà T và ông A hàn gắn đoàn tụ nhưng ông A không có thiện chí giải tỏa mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T

Kết quả xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 14/6/2017 thể hiện: Ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Ngọc T vẫn sống chung tại địa chỉ đường số A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng mâu thuẫn do ông A ghen tuông, chửi mắng vợ. Hai người sống chung với nhau có 03 người con đều trên 30 tuổi, có gia đình riêng. Các con của ông bà đã trưởng thành và không can dự đến cuộc sống hôn nhân của bố mẹ.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu chia tài sản khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc A

2. Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc A và Nguyễn Thị Ngọc T có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh U, sinh ngày 15/5/1975, Nguyễn Ngọc Hải N, sinh ngày 18/7/1977 và Nguyễn Ngọc An B, sinh ngày 24/02/1983 đã trưởng thành.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0018385 ngày 04/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa

thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Thị Hồng Đào**